

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ
XUẤT BẢN GIÁO DỤC HÀ NỘI**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 187B, phố Giảng Võ, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

MỤC LỤC

Trang

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1 – 2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

3 – 4

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Bảng cân đối kế toán

5 – 6

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

7

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

8

Bản thuyết minh báo cáo tài chính

9 – 30

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 187B, phố Giảng Võ, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội (dưới đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Trần Quang Vinh	Chủ tịch HĐQT
Bà Phạm Thị Hồng	Ủy viên
Ông Quách Tất Kiên	Ủy viên
Bà Nguyễn Hiền Trang	Ủy viên
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Ủy viên (Miễn nhiệm từ ngày 19/06/2020)
Ông Chu Quang Tuyền	Ủy viên (Bổ nhiệm từ ngày 19/06/2020)

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và tại ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Nguyễn Thị Trà Giang	Trưởng ban
Bà Vũ Thị Hương Giang	Ủy viên
Ông Phạm Đình Lượng	Ủy viên (Miễn nhiệm từ ngày 19/6/2020)
Ông Phạm Việt Quang	Ủy viên (Bổ nhiệm từ ngày 19/06/2020)

Danh sách các thành viên Ban Giám đốc trong năm và tại ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Phạm Thị Hồng	Giám đốc
Ông Vũ Văn Dương	Phó Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 01/11/2020)
Bà Nguyễn Hiền Trang	Phó Giám đốc
Ông Phạm Đình Lượng	Phó Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 01/03/2020)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật trong năm và tại ngày lập báo cáo này của Công ty là bà Phạm Thị Hồng.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 187B, phố Giảng Võ, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM (Trụ sở chính: Số 142 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam; Điện thoại: (84) 0236.363.3333; Fax: (84) 0236.363.3338; Website: www.ecovis.com/vietnam/audit/).

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc



Phạm Thị Hồng

Giám đốc

Hà Nội, ngày 23 tháng 02 năm 2021

Số: 22/2021/BCKT-EAV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC HÀ NỘI

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 08/01/2021 từ trang 5 đến trang 30 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Phạm Quang Trung
Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
1334-2018-240-1

Kim Văn Việt
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
1486-2020-240-1

Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM

Đà Nẵng, ngày 23 tháng 02 năm 2021

Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính, báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2020	Tại ngày 01/01/2020
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		42.380.205.947	43.008.307.897
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	11.459.633.001	15.212.141.050
1. Tiền	111		11.459.633.001	7.212.141.050
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	8.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		5.000.000.000	5.000.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	4.2	5.000.000.000	5.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		23.617.600.673	20.648.565.960
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	21.231.572.339	19.387.203.885
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	654.826.455	140.769.485
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	1.731.201.879	1.120.592.590
IV. Hàng tồn kho	140	4.6	1.962.787.710	2.079.395.595
1. Hàng tồn kho	141		1.962.787.710	2.079.395.595
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		340.184.563	68.205.292
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.8	31.728.706	68.205.292
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		308.455.857	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		24.205.554.281	27.285.084.020
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	297.800.826
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	4.3	-	297.800.826
2. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
II. Tài sản cố định	220		23.606.779.497	24.546.351.402
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.7	23.606.779.497	24.546.351.402
Nguyên giá	222		27.921.716.010	27.887.406.010
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.314.936.513)	(3.341.054.608)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	1.500.000.000
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	1.500.000.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		598.774.784	940.931.792
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.8	598.774.784	940.931.792
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		66.585.760.228	70.293.391.917

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 187B, phố Giảng Võ, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2020	Tại ngày 01/01/2020
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		32.996.205.484	37.766.205.255
I. Nợ ngắn hạn	310		32.996.205.484	37.766.205.255
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.9	5.357.308.891	8.779.388.509
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.10	20.749.462.855	22.804.031.175
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.12	1.568.690.471	1.876.699.685
4. Phải trả người lao động	314		5.053.083.122	4.009.382.137
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.11	59.496.814	103.687.263
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		208.163.331	193.016.486
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		33.589.554.744	32.527.186.662
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.13	33.589.554.744	32.527.186.662
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		25.000.000.000	25.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		25.000.000.000	25.000.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(110.000.000)	(110.000.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		3.194.189.817	2.986.663.667
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		5.505.364.927	4.650.522.995
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		500.000.000	500.000.000
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		5.005.364.927	4.150.522.995
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		66.585.760.228	70.293.391.917



Phạm Thị Hồng
Giám đốc

Hà Nội, ngày 08 tháng 01 năm 2021

Chu Quang Tuyền
Kế toán trưởng

Ma Thị Thu
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 187B, phố Giảng Võ, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu B 02 – DN**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2020	Năm 2019
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	76.127.954.115	69.293.307.551
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.2	4.246.200	38.137.905
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		76.123.707.915	69.255.169.646
4. Giá vốn hàng bán	11	5.3	49.123.817.953	44.098.550.803
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		26.999.889.962	25.156.618.843
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.4	551.346.795	282.245.545
7. Chi phí tài chính	22		-	-
Trong đó, chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	5.5	6.921.245.655	6.568.059.406
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.6	14.792.055.245	13.603.033.315
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		5.837.935.857	5.267.771.667
11. Thu nhập khác	31	5.7	2.794.546	701.173
12. Chi phí khác	32	5.8	27.000	39.072.896
13. Lợi nhuận khác	40		2.767.546	(38.371.723)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		5.840.703.403	5.229.399.944
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.9	835.338.476	1.078.876.949
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		5.005.364.927	4.150.522.995
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.13.5	1.100	1.083
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.13.6	1.100	1.083

**Phạm Thị Hồng****Giám đốc**

Hà Nội, ngày 08 tháng 01 năm 2021

Chu Quang Tuyền
Kế toán trưởng**Ma Thị Thu**
Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2020	Năm 2019
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01	72.526.818.167	73.251.141.666
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02	(41.583.907.759)	(34.091.369.319)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(26.824.747.850)	(23.470.234.228)
4. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(955.020.221)	(910.084.367)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	5.021.628.213	655.625.638
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(11.454.315.394)	(8.127.607.542)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(3.269.544.844)	7.307.471.848
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	(34.310.000)	(2.909.799.527)
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(13.000.000.000)	(5.000.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24	13.000.000.000	-
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	1.500.000.000	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	551.346.795	282.245.545
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	2.017.036.795	(7.627.553.982)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ PH cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	-	-
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(2.500.000.000)	(2.500.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(2.500.000.000)	(2.500.000.000)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	50	(3.752.508.049)	(2.820.082.134)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	15.212.141.050	18.032.223.184
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	70	11.459.633.001	15.212.141.050



Phạm Thị Hồng
Giám đốc

Hà Nội, ngày 08 tháng 01 năm 2021

Chu Quang Tuyến
Kế toán trưởng

Ma Thị Thu
Người lập

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0103488607 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 05 tháng 03 năm 2009. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 07 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 25/03/2020. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Công ty chính thức được cấp phép đăng ký giao dịch chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 1010/QĐ-SGDHN ngày 14 tháng 12 năm 2017 của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội. Ngày 21 tháng 12 năm 2017, Cổ phiếu của Công ty giao dịch ngày đầu tiên tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là EPH.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 25.000.000.000 VND, được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Quốc gia/ Quốc tịch	Tại ngày 31/12/2020		Tại ngày 01/01/2020	
		Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	Việt Nam	11.088.130.000	44,35	11.088.130.000	44,35
Các cổ đông khác		13.911.870.000	55,65	13.911.870.000	55,65
Cộng		25.000.000.000	100	25.000.000.000	100

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Số 187B, phố Giảng Võ, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 103 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là: 105 người).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, thương mại và dịch vụ liên quan đến hoạt động xuất bản giáo dục.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Hoạt động xuất bản khác. Chi tiết: - Thực hiện các dịch vụ xuất bản; - Tổ chức biên soạn, biên tập, dịch thuật, thiết kế, minh họa, chế bản các xuất bản phẩm và các tài liệu khác; - Phát hành các xuất bản phẩm; - Tổ chức biên soạn, biên tập, dịch thuật, thiết kế, minh họa, chế bản sách giáo khoa, sách giáo trình, sách bổ trợ, sách tự chọn, sách tham khảo, sách điện tử, đĩa CD;
- In ấn. Chi tiết: In các xuất bản phẩm;
- Dịch vụ liên quan đến in. Chi tiết: Sửa bản in, định chỉnh bản in, thẩm định bản thảo, hoàn thiện bản thảo;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Thực hiện dịch vụ bản quyền tác giả;
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục. Chi tiết: Tư vấn và cung cấp dịch vụ thiết kế nội dung chương trình dạy học, phòng học chuyên dùng và phương tiện dạy học;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: - Dịch vụ uỷ thác xuất nhập khẩu; - Xuất nhập khẩu các nguyên liệu, vật tư và các sản phẩm ngành in ấn, chế bản, mỹ thuật và truyền thông (Trừ loại Nhà nước cấm);
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại. Chi tiết: - Tổ chức hội chợ, triển lãm, trưng bày giới thiệu các xuất bản phẩm; - Dịch vụ tổ chức hội thảo, hội nghị;
- Giáo dục khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: - Mở trường học, dạy nghề cho tất cả các cấp học, bậc học (Chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép); - Khai thác, cung cấp dịch vụ, đào tạo qua mạng internet, qua các phương tiện viễn thông;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: - Buôn bán nguyên liệu, vật tư và các sản phẩm ngành in ấn, chế bản, mỹ thuật và truyền thông; - Kinh doanh đồ dùng, thiết bị dạy - học;
- Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hoá;
- Hoạt động của trụ sở văn phòng. Chi tiết: Dịch vụ quản lý, vận hành các công trình dân dụng, công nghiệp, nhà ở, khu văn phòng, đô thị, khu chung cư, khu công nghiệp, khu du lịch, trung tâm thương mại;
- Xây dựng nhà các loại. Chi tiết: Xây dựng các công trình dân dụng, khu đô thị;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng các công trình công nghiệp, giao thông, thủy lợi, cơ sở hạ tầng.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

3.1. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán “Báo cáo lưu chuyển tiền tệ”.

3.3. Đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản như các khoản tiền gửi có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ, và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất đó được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Các khoản cho vay được ghi nhận theo giá gốc.

Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính

Đối với các khoản đầu tư khác

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, đối với các khoản đầu tư khác không phải là đầu tư chứng khoán niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán trong nước và không phải là chứng khoán tự do mua bán trên thị trường, dự phòng tổn thất các khoản đầu tư khác được trích lập khi có cơ sở cho thấy có giá trị suy giảm so với giá trị đầu tư của doanh nghiệp với mức trích lập phù hợp với mức quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính nhưng tối đa bằng giá trị đầu tư thực tế đang hạch toán trên sổ kế toán.

3.4. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được đúng hạn với mức trích lập phù hợp với mức quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính để bảo đảm phản ánh giá trị các khoản nợ phải thu không cao hơn giá trị có thể thu hồi được.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5. Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

3.6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

Năm 2020

- | | |
|----------------------------------|---------|
| ▪ Nhà cửa, vật kiến trúc | 50 năm |
| ▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn | 3 năm |
| ▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý | 1,5 năm |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Công ty xin đăng ký mức trích khấu hao nhanh, bằng hai lần mức khấu hao xác định theo phương pháp đường thẳng cho toàn bộ các tài sản cố định của đơn vị (không bao gồm văn phòng làm việc) từ năm 2020 theo đúng quy định của Bộ Tài chính về phương pháp khấu hao nhanh tài sản cố định theo Công văn số 05/CV-HEPS ngày 08/01/2020 của Công ty gửi Cục thuế Hà Nội.

3.7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến công cụ, dụng cụ, chi phí sửa chữa. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 đến 3 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh;
- Chi phí sửa chữa và chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

3.8. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

3.9. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo qui định trong Điều lệ Công ty.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.10. Doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Thu nhập khác

Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

3.11. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm: Hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau và sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh khoản giảm trừ.

3.12. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa và dịch vụ bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

3.13. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển....

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.14. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%. Riêng năm 2020, do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 Công ty được giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo Nghị quyết 116/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 19/06/2020.

Thuế giá trị gia tăng

Bản thảo sách, nhuận bút tác giả: thuộc đối tượng không chịu thuế; Đối với dịch vụ biên tập, thiết kế chế bản, đọc rà soát được tính theo mức thuế suất là 10%.

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

3.15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ khen thưởng Ban điều hành cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.16. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ khen thưởng Ban điều hành cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.17. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

3.18. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 187B, phố Giảng Võ, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Tiền mặt	355.284.235	404.997.166
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	11.104.348.766	6.807.143.884
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng	-	8.000.000.000
Cộng	11.459.633.001	15.212.141.050

4.2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Tại ngày 31/12/2020 VND		Tại ngày 01/01/2020 VND	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
Cộng	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000

4.3. Phải thu của khách hàng

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Ngắn hạn:		
Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại TP. Hà Nội	3.443.480.208	1.582.143.729
Công ty CP Đầu tư và phát triển Giáo dục Phương Nam	2.901.454.879	1.405.528.842
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Hà Tây	1.564.036.870	1.728.958.350
Các khách hàng khác	13.322.600.382	14.670.572.964
Cộng	21.231.572.339	19.387.203.885
Dài hạn:		
Công ty CP Sách giáo dục tại TP Đà Nẵng	-	297.800.826
Cộng	-	297.800.826
Trong đó:		
Phải thu khách hàng ngắn hạn là các bên liên quan – Xem thêm mục 6	15.361.615.752	14.652.763.423
Phải thu khách hàng dài hạn là các bên liên quan – Xem thêm mục 6	-	297.800.826

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 187B, phố Giảng Võ, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Công ty cổ phần Mỹ Thuật và truyền thông ZOOMPLUS	471.550.000	100.000.000
Công ty cổ phần Phần mềm dầu cọng	122.943.450	-
Các khách hàng khác	60.333.005	40.769.485
Cộng	654.826.455	140.769.485

4.5. Phải thu ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/12/2020 VND		Tại ngày 01/01/2020 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tạm ứng	87.580.000	-	104.985.000	-
Phải thu khác	1.643.621.879	-	1.015.607.590	-
Cộng	1.731.201.879	-	1.120.592.590	-

4.6. Hàng tồn kho

	Tại ngày 31/12/2020 VND		Tại ngày 01/01/2020 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	8.294.972	-	15.575.504	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.575.641.002	-	1.395.648.579	-
Thành phẩm	370.082.139	-	343.568.296	-
Hàng hóa	8.769.597	-	324.603.216	-
Cộng	1.962.787.710	-	2.079.395.595	-

Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm là 0 VND.

Giá trị hàng tồn kho cuối năm đã được dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản phải trả là 0 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 187B, phố Giảng Võ, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.7. Tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá				
Tại ngày 01/01/2020	25.160.884.717	2.272.107.767	454.413.526	27.887.406.010
Tăng trong năm	-	-	34.310.000	34.310.000
Tại ngày 31/12/2020	25.160.884.717	2.272.107.767	488.723.526	27.921.716.010
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Tại ngày 01/01/2020	1.547.481.551	1.339.159.531	454.413.526	3.341.054.608
Khấu hao trong năm	505.099.536	447.815.148	20.967.221	973.881.905
Tại ngày 31/12/2020	2.052.581.087	1.786.974.679	475.380.747	4.314.936.513
Giá trị còn lại				
Tại ngày 01/01/2020	23.613.403.166	932.948.236	-	24.546.351.402
Tại ngày 31/12/2020	23.108.303.630	485.133.088	13.342.779	23.606.779.497

Không có TSCĐ hữu hình được dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản phải trả.
Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 1.383.075.838 VND.

4.8. Chi phí trả trước

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Ngắn hạn:		
Thuế GTGT không được khấu trừ chờ kết chuyển	31.728.706	68.205.292
Cộng	31.728.706	68.205.292
Dài hạn:		
Chi phí đầu tư văn phòng	598.774.784	940.931.792
Cộng	598.774.784	940.931.792

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 187B, phố Giảng Võ, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.9. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2020		Tại ngày 01/01/2020	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty CP Mĩ Thuật và Truyền Thông	237.033.520	237.033.520	3.293.179.532	3.293.179.532
Xí nghiệp Bùn Đồi 1 - Chi nhánh Công ty TNHH MTV Trắc Địa bản đồ	646.194.297	646.194.297	1.039.381.053	1.039.381.053
Phải trả cho các đối tượng khác	4.474.081.074	4.474.081.074	4.446.827.924	4.446.827.924
Cộng	5.357.308.891	5.357.308.891	8.779.388.509	8.779.388.509
<i>Trong đó:</i>				
<i>Phải trả người bán là các bên liên quan – Xem thêm mục 6</i>	237.033.520	237.033.520	3.293.179.532	3.293.179.532

4.10. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	20.629.273.950	22.783.842.270
Các khách hàng khác	120.188.905	20.188.905
Cộng	20.749.462.855	22.804.031.175
<i>Trong đó:</i>		
<i>Người mua trả tiền trước là các bên liên quan – xem thêm mục 6</i>	20.629.273.950	22.783.842.270

4.11. Phải trả ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Kinh phí công đoàn	48.836.074	68.435.936
Các khoản khác	10.660.740	35.251.327
Cộng	59.496.814	103.687.263

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.12. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước**

	Tại ngày 01/01/2020 VND	Trong năm VND		Tại ngày 31/12/2020 VND
	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp / Khấu trừ	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	556.999.613	1.909.648.131	2.466.647.744	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	715.147.910	835.338.476	955.020.221	595.466.165
Thuế thu nhập cá nhân	604.552.162	2.848.588.372	2.479.916.228	973.224.306
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	1.876.699.685	5.596.574.979	5.904.584.193	1.568.690.471

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 187B, phố Giảng Võ, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.13. Vốn chủ sở hữu****4.13.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc Vốn chủ sở hữu				Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	
Tại ngày 01/01/2019	25.000.000.000	(110.000.000)	2.787.531.886	4.482.635.626	32.160.167.512
Lãi trong năm trước	-	-	-	4.150.522.995	4.150.522.995
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	199.131.781	(199.131.781)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(1.084.372.064)	(1.084.372.064)
Trích quỹ khen thưởng BĐH	-	-	-	(199.131.781)	(199.131.781)
Trả cổ tức	-	-	-	(2.500.000.000)	(2.500.000.000)
Tại ngày 01/01/2020	25.000.000.000	(110.000.000)	2.986.663.667	4.650.522.995	32.527.186.662
Lãi trong năm nay	-	-	-	5.005.364.927	5.005.364.927
Trích quỹ đầu tư phát triển (*)	-	-	207.526.150	(207.526.150)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	(1.235.470.695)	(1.235.470.695)
Trích quỹ khen thưởng BĐH (*)	-	-	-	(207.526.150)	(207.526.150)
Trả cổ tức (*)	-	-	-	(2.500.000.000)	(2.500.000.000)
Tại ngày 31/12/2020	25.000.000.000	(110.000.000)	3.194.189.817	5.505.364.927	33.589.554.744

(*) Phân phối LNST năm 2019 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 số 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19 tháng 06 năm 2020.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 187B, phố Giảng Võ, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.13.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	11.088.130.000	11.088.130.000
Các cổ đông khác	13.911.870.000	13.911.870.000
Cộng	25.000.000.000	25.000.000.000

4.13.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Vốn góp đầu năm	25.000.000.000	25.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	25.000.000.000	25.000.000.000

4.13.4. Cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2020	Tại ngày 01/01/2020
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.500.000	2.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.500.000	2.500.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2.500.000	2.500.000
<i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.500.000	2.500.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2.500.000	2.500.000
<i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>	-	-
Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần		

4.13.5. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lãi sau thuế của cổ đông Công ty	5.005.364.927	4.150.522.995
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi & Khen thưởng BDH (*)	2.255.096.681	1.442.996.845
Lãi sau thuế để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.750.268.246	2.707.526.150
Số cổ phần lưu hành bình quân trong năm	2.500.000	2.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.100	1.083

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.13.6. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lãi sau thuế của cổ đông Công ty	5.005.364.927	4.150.522.995
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi & Khen thưởng BĐH (*)	2.255.096.681	1.442.996.845
Lãi sau thuế để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	2.750.268.246	2.707.526.150
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	2.500.000	2.500.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến phát hành thêm	-	-
Số lượng cổ phiếu để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	2.500.000	2.500.000
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.100	1.083

Lãi cơ bản và Lãi suy giảm trên cổ phiếu năm 2020 được tính từ Lợi nhuận sau thuế sau khi đã tạm trích Quỹ khen thưởng BĐH (5% LNST năm 2020) và Quỹ khen thưởng phúc lợi (phần LNST còn lại sau khi chia cổ tức và trích các quỹ khác) và theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 số 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19 tháng 06 năm 2020.

Lãi cơ bản và Lãi suy giảm trên cổ phiếu năm 2019 được tính lại từ Lợi nhuận sau thuế sau khi đã trích Quỹ khen thưởng phúc lợi và Quỹ khen thưởng BĐH theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 số 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19 tháng 06 năm 2020.

4.13.7. Cổ tức

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 số 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19 tháng 06 năm 2020, đã quyết định chia cổ tức năm 2019 với tỷ lệ 10%/vốn điều lệ (tương ứng 2.500.000.000 VND).

4.13.8. Các Quỹ của Doanh nghiệp

	Quỹ đầu tư phát triển VND
Tại ngày 01/01/2020	2.986.663.667
Trích trong năm	207.526.150
Chi trong năm	-
Tại ngày 31/12/2020	3.194.189.817

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 187B, phố Giảng Võ, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH****5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Doanh thu dịch vụ tổ chức bản thảo	54.389.448.926	40.903.680.196
Doanh thu bán sách	9.582.166.731	13.480.859.243
Doanh thu dịch vụ biên tập, thiết kế chế bản	1.931.542.763	2.593.274.156
Nhuận bút	9.489.875.695	11.077.593.956
Doanh thu khác	734.920.000	1.237.900.000
Cộng	76.127.954.115	69.293.307.551
<i>Trong đó, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan - Xem thêm mục 6</i>	<i>68.362.685.874</i>	<i>59.786.168.588</i>

5.2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Hàng bán bị trả lại	4.246.200	38.137.905
Cộng	4.246.200	38.137.905

5.3. Giá vốn hàng bán

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Giá vốn dịch vụ tổ chức bản thảo	31.656.808.149	22.242.643.100
Giá vốn bán sách	7.387.875.812	9.612.376.147
Giá vốn dịch vụ biên tập, thiết kế chế bản	543.953.797	1.165.937.600
Nhuận bút	9.489.875.695	11.077.593.956
Giá vốn khác	45.304.500	-
Cộng	49.123.817.953	44.098.550.803

5.4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	551.346.795	282.245.545
Cộng	551.346.795	282.245.545

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.5. Chi phí bán hàng**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí nhân viên bán hàng	5.285.183.049	4.353.959.805
Chi phí dịch vụ mua ngoài	384.420.717	588.152.892
Chi phí bằng tiền khác	1.251.641.889	1.625.946.709
Cộng	6.921.245.655	6.568.059.406

5.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí nhân viên quản lý	5.898.510.591	4.646.967.919
Chi phí khác bằng tiền	8.893.544.654	8.956.065.396
Cộng	14.792.055.245	13.603.033.315

5.7. Thu nhập khác

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Thu nhập từ bán công cụ dụng cụ	2.794.546	599.090
Các khoản thu nhập khác	-	102.083
Cộng	2.794.546	701.173

5.8. Chi phí khác

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí khác	27.000	39.072.896
Cộng	27.000	39.072.896

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 187B, phố Giảng Võ, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Tổng lợi nhuận kê toán trước thuế	5.840.703.403	5.229.399.944
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	126.000.000	164.984.801
- Chi phí không hợp lệ	-	38.984.801
- Thủ lao HĐQT không trực tiếp tham gia điều hành	126.000.000	126.000.000
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm:	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	5.966.703.403	5.394.384.745
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	835.338.476	1.078.876.949
Trong đó:		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh năm nay	1.193.340.681	1.078.876.949
- Chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay được giảm theo Nghị quyết 116/2020/QH14 ngày 19/06/2020	(358.002.204)	-

5.10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí nhân công	39.966.641.413	30.245.038.347
Chi phí khấu hao TSCĐ	973.881.905	1.957.978.770
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.494.975.057	20.337.302.710
Chi phí khác bằng tiền	9.550.844.609	8.907.731.516
Cộng	66.986.342.984	61.448.051.343

Địa chỉ: Số 187B, phố Giảng Võ, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

6. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

27

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 187B, phố Giảng Võ, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Phải thu ngắn hạn:		
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	119.674.187	4.059.967.060
Nhà xuất bản Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng	6.376.500	-
Nhà xuất bản Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh	76.950.000	5.265.000
Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại TP. Hà Nội	3.443.480.208	1.582.143.729
Công ty CP Sách giáo dục tại TP Đà Nẵng	1.388.161.509	148.900.412
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	-	1.011.260.859
Công ty CP Đầu tư và Phát triển giáo dục Đà Nẵng	1.992.226.870	1.318.081.345
Công ty CP Đầu tư và phát triển giáo dục Hà Nội	1.032.248.786	993.198.794
Công ty CP Đầu tư và phát triển Giáo dục Phương Nam	2.901.454.879	1.405.528.842
Công ty CP Sách và Thiết bị giáo dục Miền Bắc	691.493.133	6.105.000
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Hà Tây	1.564.036.870	1.728.958.350
Công ty CP Đầu tư và Xuất bản giáo dục	1.229.327.707	1.282.513.610
Công ty CP Sách Đại học Dạy nghề	163.419.000	172.970.000
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	730.406.843	937.870.422
Công ty CP ĐT và PT Trường phổ thông công nghệ Giáo dục	22.359.260	-
Cộng - Xem thêm mục 4.3	15.361.615.752	14.652.763.423
Phải trả:		
Công ty CP Mĩ thuật và truyền thông	237.033.520	3.293.179.532
Cộng - Xem thêm mục 4.9	237.033.520	3.293.179.532
Người mua trả tiền trước ngắn hạn:		
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	20.629.273.950	22.783.842.270
Cộng - Xem thêm mục 4.10	20.629.273.950	22.783.842.270

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 187B, phố Giảng Võ, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Bán hàng :		
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	16.003.958.470	4.927.498.012
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	7.540.286.335	8.393.179.600
Nhà xuất bản Giáo dục tại Đà Nẵng	6.376.500	11.880.000
Nhà xuất bản Giáo dục tại Cần Thơ	9.247.500	11.880.000
Nhà xuất bản Giáo dục tại TP Hồ Chí Minh	76.950.000	5.265.000
Công ty CP Sách Giáo dục tại Hà Nội	4.716.090.500	5.147.775.400
Công ty CP Sách Giáo dục tại Đà Nẵng	8.788.505.655	5.460.225.816
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP Hồ Chí Minh	773.035.000	1.265.382.340
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	11.030.940.532	10.426.637.129
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	3.774.145.525	3.941.441.971
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	6.685.751.562	7.611.269.673
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	2.764.847.900	3.263.953.417
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	1.985.585.835	2.626.476.220
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	120.837.460	120.579.480
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long	50.476.400	36.204.200
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Hà Tây	2.488.287.020	3.701.423.400
Công ty CP Mĩ thuật và truyền thông	549.339.520	848.026.880
Công ty CP Sách Đại học – Dạy nghề	40.081.000	20.562.000
Công ty CP ĐT và PT Trường phổ thông công nghệ Giáo dục	22.099.660	80.093.600
Công ty CP Sách Dân tộc	-	7.938.000
Công ty CP Đầu tư và xuất bản Giáo dục	935.843.500	1.878.476.450
Cộng - Xem thêm mục 5.1	68.362.685.874	59.786.168.588

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Mua hàng:		
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	34.181.819	53.909.091
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	145.932.083	405.401.772
Công ty CP Sách Giáo dục tại Hà Nội	792.044.880	154.603.200
Công ty CP Sách Giáo dục tại Đà Nẵng	1.531.662.130	2.175.148.530
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	-	183.844.600
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	86.275.000	-
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	201.066.776	484.323.200
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	614.370.330	274.817.999
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Hà Tây	554.856.500	910.054.750
Công ty CP Mĩ thuật và Truyền thông	6.484.721.826	3.676.846.119
Công ty CP Sách Đại học – Dạy nghề	45.120.000	45.120.000
Cộng	10.490.231.344	8.364.069.261

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 187B, phố Giảng Võ, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	<u>Năm 2020</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2019</u> <u>VND</u>
Chia cổ tức:		
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	1.108.813.000	1.108.813.000
Các cổ đông khác	460.250.000	449.350.000
Cộng	<u>1.569.063.000</u>	<u>1.558.163.000</u>

Thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác được hưởng trong năm như sau:

	<u>Năm 2020</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2019</u> <u>VND</u>
Lương, thưởng của Ban Giám đốc	2.677.439.500	2.123.486.000
Thù lao Hội đồng quản trị	280.500.000	318.000.000
Cộng	<u>2.957.939.500</u>	<u>2.441.486.000</u>

7. THÙ LAO CỦA BAN KIỂM SOÁT

	<u>Năm 2020</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2019</u> <u>VND</u>
Thù lao Ban kiểm soát	42.000.000	42.000.000
Cộng	<u>42.000.000</u>	<u>42.000.000</u>

8. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.



Phạm Thị Hồng
Giám đốc

Hà Nội, ngày 08 tháng 01 năm 2021

Chu Quang Tuyền
Kế toán trưởng

Ma Thị Thu
Người lập